

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 39/2024/DS-ST

Ngày: 22-3-2024

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thay**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Tuyết Nhung**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn:

Ông **Văn Minh T**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ F, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ F, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày **05/9/2023**, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Huỳnh Thị H** trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 01/12/2021 bà H có cho vợ chồng ông Văn Minh T và bà Trần Thị D vay số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 400.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng. Giấy vay tiền do ông T viết và ký tên. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông T và bà D không trả cho bà H được số tiền nào, bà H có đi đòi nhiều lần nhưng ông T và bà D cũng hứa hẹn mà không trả cho bà H được số tiền nào nên bà H mới làm đơn khởi kiện ông T và bà D.

Nay khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết buộc bà D và ông T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 25.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/12/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, mức lãi suất là 0.83%/tháng. Bà H không có chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì khác, ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Văn Minh T trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 01/12/2021 ông có vay của bà H số tiền 25.000.000 đồng, giấy vay tiền bà H đọc cho ông V, khi vay thỏa thuận trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, góp đến khi nào đủ 30.000.000 đồng thì ngưng. Mục đích ông vay tiền để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Sau khi vay tiền vợ chồng ông đã góp cho bà H được 10 ngày và trả cho bà H 09 lần mỗi lần 1.000.000 đồng. Tổng cộng theo ông nhớ thì ông đã trả cho bà H được 12.000.000 đồng. Khi trả tiền thì ông chỉ ghi vào sổ tay của ông cho dễ nhớ chứ ông không yêu cầu bà H ký tên nhận tiền. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông chỉ đồng ý cùng với bà D vợ ông trả cho bà H 13.000.000 đồng tiền gốc và ông đồng ý trả cho bà H 5.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 18.000.000 đồng. Ông và bà D không có chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì khác, ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà D thừa nhận bà D và ông T có vay của bà H số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 01/12/2021, tuy nhiên, sau khi vay bà D và ông T đã trả góp cho bà H được số tiền 12.000.000 đồng. Khi trả tiền thì không cho bà H ký nhận nhưng có ghi chú vào sổ tay của bà D và ông T.

Nay bà D đồng ý cùng với ông T trả cho bà H số tiền 13.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên

Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T và bà D trả cho bà H số tiền gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

+ Ông T và bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án buộc ông Văn Minh T và bà Trần Thị D trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền gốc là 25.000.000 đồng và **yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/12/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 22/3/2024 là 27 tháng 21 ngày), mức lãi suất là 0.83%/tháng, cụ thể là: 25.000.000 đồng x 0.83% x 27 tháng 21 ngày = 5.748.000 đồng.** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì ông T cho rằng có vay tiền của bà H nhưng đã trả cho bà H được 12.000.000 đồng. Nay ông T đồng ý cùng với bà D trả cho bà H số tiền 13.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, bị đơn bà D chỉ đồng ý cùng với ông T trả cho bà H số tiền 13.000.000 đồng.

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H thấy rằng:

[1.1.1] Phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 (một) “Giấy vay tiền đề ngày 01/12/2021” ký tên Văn Minh T, số tiền vay là 25.000.000 đồng. Ông T thừa nhận giấy vay tiền do ông T viết và ký tên nên Hội đồng xét xử xác định ông T có vay tiền của bà H là sự thật. Như vậy, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1.2] Bị đơn ông T trình bày mục đích vay số tiền 25.000.000 đồng để sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình cùng với bà D và ông T đã trả cho bà H được số tiền 12.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả cho bà H được số tiền 12.000.000 đồng nên ông T phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1.3] Tại phiên tòa bà D thừa nhận bà D và ông T có vay của bà H số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà D đã trả cho bà H được số tiền 12.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà H thấy rằng: Từ khi vay tiền đến nay ông T và bà D chưa trả cho bà H được số tiền nào, nay khởi kiện bà H yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và được tính như sau: Từ ngày **01/12/2021 đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm (22/3/2024 là 27 tháng 21 ngày)**, mức lãi suất là 0.83%/tháng, cụ thể là: 25.000.000 đồng x 0.83% x 27 tháng 21 ngày = 5.748.000 đồng.

[1.3] Từ những nhận định trên, **Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H, buộc ông Văn Minh T và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền gốc là 25.000.000 đồng và 5.748.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.748.000 đồng** là phù hợp với quy định các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà Huỳnh Thị H không phải chịu nên hoàn trả lại cho bà H 773.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Văn Minh T và bà Trần Thị D phải chịu 1.537.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Văn Minh T và bà Trần Thị D về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Văn Minh T và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị H **25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng tiền gốc và 5.748.000 (năm triệu bảy**

trăm bốn mươi tám nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.748.000 (ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án ông Văn M Tiết và bà Trần Thị D không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án ông Văn Minh T và bà Trần Thị D còn phải trả cho người được thi hành án bà Huỳnh Thị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị H 773.000 (bảy trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số **0005607** ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Văn Minh T và bà Trần Thị D phải chịu 1.537.000 (một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cường

